TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2025/HS-ST
Ngày: 21/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Đỗ Thúy Anh;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Minh Tuấn;
Ông Đoàn Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thùy Dung, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đỗ Tuấn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 25/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HS ngày 21/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thùy H** Tên gọi khác: Không
Giới tính: Nữ.
Sinh ngày: 15/4/1981
Nơi thường trú: TDP X, phường H, thành phố H, tỉnh B
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;
Họ và tên bố: Nguyễn Duy C1 - SN: 1952 (đã chết)
Họ và tên mẹ: Đinh Thị C2 - SN: 1955;
Gia đình có 02 con, bị cáo là con thứ nhất;
Chồng: Không
Có 01 con, sinh năm 2017
Tiền án, tiền sự: 02 tiền án sau ngày phạm tội
- Tại bản án số 527 ngày 22/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử

phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 670.000.000 đồng);

- Tại bản án số 390 ngày 16/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 1.537.620.000 đồng). Tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 527 ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung là 21 năm tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam S - Thanh Hóa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1971 và anh Trần Văn T, sinh năm 1960. Cùng nơi thường trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2017, Nguyễn Thị Thùy H thông qua người bạn xã hội là anh Phan Hào Q (Sinh năm 1960; Trú tại: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y) đã quen biết với chị Phạm Thúy H1 (Sinh năm 1968; Trú tại: Phường Đ, quận B, thành phố H) và biết bà H1 có cháu là anh Trần Ngọc T1 (Sinh năm 1996; Trú tại: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y) đang tham gia Công an nghĩa vụ tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động và biết gia đình có nguyện vọng cho anh T1 học tập, công tác lâu dài trong lực lượng Công an. Lúc này, do không có tiền chi tiêu nên H mặc dù là lao động tự do, không có khả năng và mối quan hệ để xin học cho người khác tại các cơ sở giáo dục của ngành Công an nhưng đã đưa ra thông tin gian dối rằng bản thân có nhiều mối quan hệ có thể xin học và nói với chị H1 là cuối năm 2017 có 01 suất ưu tiên vào học hệ trung cấp An ninh nhân dân, nếu gia đình chị H1 có con cháu có nguyện vọng vào học tại hệ Trung cấp An ninh nhân dân thì đăng ký cho con cháu thi vào Học viện A và hệ trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1, kết quả thi không bị điểm liệt và đưa cho H 450.000.000 đồng, H sẽ lo cho cháu chị H1 trúng tuyển vào học hệ trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1. Do tin tưởng nên chị H1 đã nhờ H giúp đỡ cho T1, H yêu cầu gia đình chị H1 đưa trước 200.000.000 đồng, sau khi nhận giấy báo nhập học vào hệ Trung cấp An ninh nhân dân thì giao tiếp 250.000.000 đồng, khi giao tiền, H sẽ viết giấy biên nhận vay tiền và hẹn thời gian trả, nếu không thực hiện được sẽ trả lại tiền, chị H1 đồng ý.

Sau đó, chị H1 đã trao đổi lại nội dung với vợ chồng em gái là chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T (Cùng trú tại: Thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y – là bố mẹ

của anh T1) thì cả 2 người đồng ý và hỏi vay tiền của chị H1 để đưa cho H lo việc cho anh T1.

Ngày 31/3/2017, chị H1 đã đưa cho chị B và anh T vay 150.000.000 đồng đồng thời đi cùng anh Q và vợ chồng chị B1 đến gặp H tại phòng H tòa nhà A Chung cư M. Tại đây, anh T đã giao cho H 150.000.000 đồng (H có viết giấy biên nhận đã vay của anh T 150.000.000 đồng và hẹn trả vào tháng 11/2017. Giấy biên nhận có chữ ký của H, anh T và anh Q). Đến ngày 14/4/2017, chị H1 đến phòng H tòa nhà A Chung cư M gặp H và giao thêm 50.000.000 đồng cho H (H có viết giấy biên nhận vay 50.000.000 đồng và hẹn trả vào tháng 11/2017). Sau khi nhận số tiền nêu trên, H không sử dụng để lo việc cho anh T1 như đã hứa hẹn mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết, H cũng không liên hệ với bất cứ ai để giúp anh T1 thi đỗ vào hệ Trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1.

Đến kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017, anh T1 đã đăng ký thi và đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào Học viện A và hệ Trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1. Đến tháng 7/2017, anh T1 thi đạt kết quả tổng điểm thi là 20.25 điểm nhưng không trúng tuyển và sau đó cũng không có giấy báo nhập học vào Học viện A hay hệ Trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1 như H đã hứa hẹn. Đến tháng 9/2017, anh T1 được chuyển biên chế tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động và đến tháng 10/2017, anh T1 được đơn vị cử đi học tại trường T2.

Sau khi H không lo được cho anh T1 đi học như đã hứa hẹn, chị H1 đến nhà H tại phòng H tòa nhà A Chung cư M, phường C, quận N, thành phố H để đòi lại tiền thì được biết H thuê căn hộ này và hiện đã chuyển đi đâu không rõ. Chị H1 gọi điện thoại thì H hứa hẹn và khất lần nhưng không trả lại tiền sau đó cắt liên lạc. Đến đầu tháng 11/2023, chị H1 biết H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đã làm đơn tố giác H.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thùy H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại công văn số 1451 ngày 22/4/2024 của Cục Đ – Bộ C1, cung cấp: *"Năm 2017, có thí sinh Trần Ngọc T1, ngày 26/12/1996, quê quán: Huyện Y, tỉnh Hưng Yên, đơn vị sơ tuyển: Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động đăng ký dự tuyển, xét tuyển vào các trường C2, cụ thể:*

1. Đối với trình độ đại học: Đăng ký xét tuyển ban đầu tại Học viện A, mã ngành: 52860100, tổ hợp: C03.

- Đăng ký xét tuyển chính thức tại Học viện C3, mã ngành: 52860100, tổ hợp: C03 với tổng điểm 20.25 điểm, trong đó: môn V: 5.0 điểm, môn Toán: 5.8 điểm, môn Lịch sử: 6.5 điểm, điểm ưu tiên đối tượng: 2.0 điểm, điểm ưu tiên khu vực: 1.0 điểm.

Đối chiếu điểm trúng tuyển của Học viện C3 (25.75 điểm), thí sinh Trần Ngọc T1 không trúng tuyển.

2. Đối với trình độ cao đẳng: Đăng ký xét tuyển tại trường Cao đẳng C4, tổ hợp C03, đạt 20.25 điểm

Đối chiếu điểm trúng tuyển của trường Cao đẳng C4 (25.5 điểm), thí sinh Trần Ngọc T1 không trúng tuyển.

3. Đối với trình độ trung cấp: Đăng ký xét tuyển hệ trung cấp trường Cao đẳng C4, tổ hợp C03, đạt 20.25 điểm.

Đối chiếu điểm trúng tuyển hệ trung cấp của trường Cao đẳng C4 (25.25 điểm), thí sinh Trần Ngọc T1 không trúng tuyển".

Tại Bản kết luận giám định số 1527 ngày 25/3/2024 của V1 - Bộ C1, kết luận: *"Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Thùy H dưới mục "Người vay" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 (giấy biên nhận ngày 14/4/2017 đứng tên Nguyễn Thị Thùy H), A2 (giấy biên nhận ngày 31/3/2017 giữa Nguyễn Thị Thùy H và Trần Văn T) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Thùy H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra".*

Ngoài ra, chị H1 và anh T, chị B1 khai quá trình xin học, H có nói là nếu đưa thêm 100.000.000 đồng thì anh T1 sẽ có giấy báo nhập học Học viện A vào cuối năm 2017 nên ngày 26/4/2017, chị H1 đến nhà gặp H và chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng (H có viết giấy và hẹn trả vào ngày 26/7/2017) và ngày 25/5/2017, chị H1 đến nhà gặp H giao thêm 20.000.000 đồng (H viết giấy biên nhận vay 20.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/8/2017). Ngày 04/6/2017, chị H1 tiếp tục đến nhà giao thêm 50.000.000 đồng (H viết giấy biên nhận vay của chị H1 50.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 30/8/2017). Tại Cơ quan điều tra, H khai đây chỉ là khoản tiền vay của chị H1 và H đã hoàn trả đầy đủ. Quá trình điều tra, chị H1, chị B và anh T thay đổi lời khai và khai số tiền 100.000.000 đồng mà chị H1 đưa cho H vào các ngày 26/4/2017, 25/5/2017 và 04/6/2017 trên là tiền

vay nợ cá nhân, đã được H hoàn trả đầy đủ và H cũng đã thu lại các giấy biên nhận đã viết (các giấy biên nhận do chị H1 giao nộp đều là bản photo) nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Lời khai nhận tội của Nguyễn Thị Thùy H phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp lời khai của người làm chứng, người liên quan, phù hợp vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại bản cáo trạng số 26/CT- VKS ngày 24/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, bị cáo Nguyễn Thị Thùy H bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Thùy H khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thùy H đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 của Bộ luật hình sự. Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm a, khoản 3, Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù giam.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Không.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị B1 số tiền 200.000.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không tham gia tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận N, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 31/3/2017 đến ngày 14/4/2017, tại phòng H tòa nhà A Chung cư M, phường C, quận N, thành phố H, Nguyễn Thị Thùy H mặc dù không có chức năng và không có khả năng nhưng đã đưa ra thông tin gian dối về việc có thể lo cho anh Trần Ngọc T1 trúng tuyển vào học hệ trung cấp An ninh nhân dân của trường Cao đẳng A1 để chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T tin tưởng giao số tiền 200.000.000 đồng sau đó chiếm đoạt để sử dụng chi tiêu cá nhân.

Bị cáo thành khẩn khai nhận tội. Hậu quả chưa khắc phục. Chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thùy H đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo chiếm đoạt của chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T số tiền 200.000.000 đồng nên bị truy tố theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về cùng một hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại bản án số 527 ngày 22/12/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 670.000.000 đồng); Tại bản án số 390 ngày 16/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phạt 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (trị giá tài sản 1.537.620.000 đồng), tổng hợp hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 527 ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung là 21 năm tù.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thùy H thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Duy C là thương binh, được tặng huy chương chiến sĩ giải phóng,

bị cáo là người dân tộc - nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết tăng nặng: Không;

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian theo Điều 38 Bộ luật hình sự mới đủ điều kiện để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án: Không.

[8] Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T số tiền 200.000.000 đồng.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng: Điểm a, khoản 3, Điều 174; Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy H **07 (B1) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án hình phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Không.

2. Về vật chứng: Không.

3. Về dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy H phải trả cho chị Phạm Thị B và anh Trần Văn T số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng:

- Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP . Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.NamTừ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh